



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 30 tháng 6 năm 2018



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát** **Báo cáo của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này như sau:

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
	Ông Trần Tuấn Dương	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó Chủ tịch
	Ông Doãn Gia Cường	Phó Chủ tịch
	Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
	Ông Tạ Tuấn Quang	Thành viên
	Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên
	Ông Hans Christian Jacobsen	Thành viên

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Trần Tuấn Dương	Tổng Giám đốc
	Bà Nguyễn Thị Thảo Nguyên	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Việt Thắng	Phó Tổng Giám đốc

### **Thông tin về Công ty**

Công ty có tiền thân là Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam và hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 26 tháng 10 năm 2001. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh thay đổi lần thứ 8 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp ngày 9 tháng 1 năm 2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát đã chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh mới nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0900189284 ngày 10 tháng 7 năm 2018. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hưng Yên cấp.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Phố Nối A, Xã Giai Phạm, Huyện Yên Mỹ, Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam.



## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát** **Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

### **Kết quả hoạt động kinh doanh và cổ tức**

Lợi nhuận thuần trước hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Công ty là 4.576.297 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017: 7.253.565 triệu VND).

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2017 cho các cổ đông theo tỷ lệ 40% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu thường được nhận 4 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức). Ngày 13 tháng 6 năm 2018, Công ty đã chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Tuy nhiên, số cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức này chỉ được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận niêm yết vào ngày 4 tháng 7 năm 2018. Do vậy, giao dịch chi trả cổ tức này chưa được Công ty phản ánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

### **Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ**

Không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ cần phải điều chỉnh hay thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

### **Đơn vị kiểm toán**

Đơn vị kiểm toán của Công ty là Công ty TNHH KPMG.

### **Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty đối với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Giám đốc Công ty cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán được lập và lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết với Hội đồng Quản trị và các cổ đông của Công ty rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)**

**Phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018. Báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc



Trần Tuấn Dương  
Tổng Giám đốc

Hung Yên, 28-08-2018





KPMG Limited  
46<sup>th</sup> Floor, Keangnam Landmark 72  
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward  
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam  
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi các Cổ đông và Hội đồng Quản trị  
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28-08-2018, được trình bày từ trang 6 đến trang 43.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



## Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất trong kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 16-02-074-2018-SX-a



Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 0306-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 28-08-2018

Lại Thùy Linh

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số: 2040-2018-007-1

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)</b>	<b>100</b>		<b>1.847.289.607.199</b>	<b>1.510.449.428.243</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>8</b>	<b>572.046.119.279</b>	<b>515.263.544.879</b>
Tiền	111		17.096.119.279	12.653.544.879
Các khoản tương đương tiền	112		554.950.000.000	502.610.000.000
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.239.830.419.197</b>	<b>947.704.703.609</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	53.878.557.065	1.433.459.640
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		18.400.544.878	6.821.643.641
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	11	746.500.000.000	519.900.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	421.051.317.254	419.549.600.328
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>1.019.718.404</b>	<b>671.867.964</b>
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>34.393.350.319</b>	<b>46.809.311.791</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17.1	23.311.888.381	29.684.808.361
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.563.723.213	2.020.714.903
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	19	9.517.738.725	15.103.788.527

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>30.537.221.689.583</b>	<b>26.349.038.467.430</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>4.099.000.000</b>	<b>4.099.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		4.099.000.000	4.099.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>94.223.012.062</b>	<b>55.483.372.004</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	53.089.379.337	26.113.605.095
Nguyên giá	222		101.430.307.358	69.208.490.141
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.340.928.021)	(43.094.885.046)
Tài sản cố định vô hình	227	14	41.133.632.725	29.369.766.909
Nguyên giá	228		44.508.871.840	31.969.306.640
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.375.239.115)	(2.599.539.731)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>15</b>	<b>208.422.788.577</b>	<b>215.668.517.343</b>
Nguyên giá	231		295.423.374.882	295.423.374.882
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(87.000.586.305)	(79.754.857.539)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>248.594.287</b>	<b>20.901.654.922</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	248.594.287	20.901.654.922
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9</b>	<b>30.216.404.800.000</b>	<b>26.046.404.800.000</b>
Đầu tư vào công ty con	251		30.215.704.800.000	26.045.704.800.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		700.000.000	700.000.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>13.823.494.657</b>	<b>6.481.123.161</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	17.2	13.823.494.657	6.481.123.161
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>32.384.511.296.782</b>	<b>27.859.487.895.673</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN**

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2018 VND</b>	<b>1/1/2018 VND</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)</b>	<b>300</b>		<b>647.210.011.752</b>	<b>529.208.815.969</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>647.210.011.752</b>	<b>529.208.815.969</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	3.630.644.606	29.848.191.210
Người mua trả tiền trước	312		1.491.246.602	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	81.142.749	595.023.490
Phải trả người lao động	314		656.578.080	1.470.758.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		898.800.000	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		7.857.623.731	4.670.415.465
Phải trả ngắn hạn khác	319		9.798.015.977	2.082.746.028
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	622.795.960.007	490.541.681.776
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>31.737.301.285.030</b>	<b>27.330.279.079.704</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>31.737.301.285.030</b>	<b>27.330.279.079.704</b>
Vốn cổ phần	411	22	15.170.790.000.000	15.170.790.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		15.170.790.000.000	15.170.790.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.211.560.416.270	3.202.198.967.068
Cổ phiếu quỹ	415		-	(1.693.270.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		902.000.000.000	502.000.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		12.452.950.868.760	8.456.983.382.636
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		7.876.653.382.636	-
- LNST chưa phân phối kỳ này/năm nay	421b		4.576.297.486.124	8.456.983.382.636
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>32.384.511.296.782</b>	<b>27.859.487.895.673</b>

28 -08- 2018

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Trang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018**

**Mẫu B 02a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>25</b>	<b>67.244.835.352</b>	<b>13.483.260.000</b>
<b>Giá vốn dịch vụ cung cấp</b>	<b>11</b>	<b>26</b>	<b>52.197.230.315</b>	<b>6.735.693.858</b>
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>15.047.605.037</b>	<b>6.747.566.142</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	4.597.444.025.831	7.418.672.102.244
<i>Trong đó: lợi nhuận công ty con chuyển về</i>			4.574.968.877.158	7.409.182.293.490
Chi phí tài chính	22		-	149.033.262.512
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	31.665.618.853	25.473.462.773
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)</b>	<b>30</b>		<b>4.580.826.012.015</b>	<b>7.250.912.943.101</b>
Thu nhập khác	31		2.611.884.580	2.877.026.834
Chi phí khác	32		1.554.360.669	224.879.353
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>1.057.523.911</b>	<b>2.652.147.481</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>4.581.883.535.926</b>	<b>7.253.565.090.582</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>30</b>	<b>5.586.049.802</b>	<b>-</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)</b>	<b>60</b>		<b>4.576.297.486.124</b>	<b>7.253.565.090.582</b>

28-08-2018

Người lập:



Nguyễn Thị Thu Trang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>4.581.883.535.926</b>	<b>7.253.565.090.582</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		13.267.471.125	11.311.050.422
Các khoản dự phòng	03		-	(90.418.980.030)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	2.242.542
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.597.444.025.831)	(7.179.222.102.244)
<b>Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(2.293.018.780)</b>	<b>(4.762.698.728)</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(52.161.451.314)	14.592.082.193
Biến động hàng tồn kho	10		(347.850.440)	(321.496.022)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(9.058.354.150)	(1.986.448.965)
Biến động chi phí trả trước	12		(969.451.516)	(23.343.929.699)
			<b>(64.830.126.200)</b>	<b>(15.822.491.221)</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		-	(20.922.222)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	(5.000.000.000)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(63.104.659.740)	(41.117.922.894)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(127.934.785.940)</b>	<b>(61.961.336.337)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(21.146.369.952)	(3.991.754.909)
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(1.018.000.000.000)	(968.400.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		791.400.000.000	1.197.900.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(4.170.000.000.000)	(10.186.850.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		-	998.900.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay và lợi nhuận từ các công ty con	27		4.591.039.011.090	8.519.194.352.371
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>173.292.641.138</b>	<b>(443.247.402.538)</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		11.424.719.202	10.758.940.000
Tiền trả cổ tức	36		-	(30.395.500)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>11.424.719.202</b>	<b>10.728.544.500</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>56.782.574.400</b>	<b>(494.480.194.375)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		515.263.544.879	664.810.224.233
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	(2.242.542)
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>8</b>	<b>572.046.119.279</b>	<b>170.327.787.316</b>

28 -08- 2018

Người lập:

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thu Trang  
 Kế toán tổng hợp



Phạm Thị Kim Oanh  
 Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

## **1. Đơn vị báo cáo**

### **1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

### **1.2 Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là cho thuê văn phòng và đầu tư tài chính.

### **1.3 Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

### **1.4 Cấu trúc Công ty**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 11 công ty con cấp 1 (1/1/2018: 11 công ty con cấp 1) được liệt kê trong Thuyết minh 9.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty có 104 nhân viên (1/1/2018: 88 nhân viên).

## **2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

### **2.1 Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

### **2.2 Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

### **2.3 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

## **2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

## **3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

### **3.1 Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

### **3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

### **3.3 Các khoản đầu tư**

#### **(a) Đầu tư vào công ty con**

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thức ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác**

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**3.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả kinh doanh riêng trong kỳ.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

**(a) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(b) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |            |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa                | 10 năm     |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 3 – 10 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 6 – 10 năm |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 – 7 năm  |



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

**(a) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ do có thời hạn không xác định. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.

**(b) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 6 năm.

**3.7 Bất động sản đầu tư cho thuê**

**(a) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

**(b) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư cho thuê. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 20 năm

**3.8 Chi phí trả trước dài hạn**

**(a) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, là những tư liệu lao động không có đủ các tiêu chuẩn về giá trị và thời gian sử dụng quy định đối với tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa là 3 năm.

**(b) Chi phí sửa chữa văn phòng**

Chi phí sửa chữa văn phòng bao gồm các chi phí liên quan đến việc sửa chữa, thay thế các công trình hạng mục của văn phòng Công ty. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian 3 năm.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Chi phí quảng cáo**

Chi phí quảng cáo bao gồm các chi phí quảng cáo hình ảnh và marketing của Công ty. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong thời gian 3 năm.

**3.9 Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**3.10 Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**3.11 Vốn cổ phần**

**(a) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa tiền thu từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**(b) Phát hành cổ phiếu thưởng cho người lao động**

Theo chính sách của Công ty, giá trị cổ phiếu thưởng phát hành cho người lao động từ thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo mệnh giá và không được ghi là chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**(c) Thu hồi cổ phiếu thưởng cho người lao động làm cổ phiếu quỹ**

Khi thu lại cổ phiếu thưởng cho người lao động đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của số cổ phiếu này được ghi tăng vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã thu lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**3.12 Phân loại các công cụ tài chính**

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính. Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(a) Tài sản tài chính**

*Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và phải thu.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thứ ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Nợ phải trả tài chính**

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
  - được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ*

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh cho các báo cáo tài chính riêng và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

### **3.13 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**3.14 Doanh thu và thu nhập khác**

**(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(b) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê.

**(c) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian, dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(d) Thu nhập từ cổ tức**

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**3.15 Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**3.16 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh**

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán kể từ thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

**6. Các khoản mục bất thường**

Công ty không có các khoản mục bất thường có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

**7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị**

Không có thay đổi trong cơ cấu của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

**8. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	394.845.834	38.951.502
Tiền gửi ngân hàng	16.701.273.445	12.614.593.377
Các khoản tương đương tiền	554.950.000.000	502.610.000.000
	<hr/>	<hr/>
	572.046.119.279	515.263.544.879



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**9. Đầu tư tài chính dài hạn**

	30/6/2018				1/1/2018			
	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Tỷ lệ % sở hữu	Tỷ lệ % quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào:								
▪ <b>Công ty con</b>								
- Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông	99,96%	99,96%	845.030.800.000		99,96%	99,96%	845.030.800.000	
- Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương	99,99%	99,99%	3.595.924.000.000		99,99%	99,99%	3.595.924.000.000	
- Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất (i)	98,92%	98,92%	18.300.000.000.000		98,67%	98,67%	14.800.000.000.000	
- Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên	100%	100%	600.000.000.000		100%	100%	600.000.000.000	
- Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát (ii)	99,97%	99,97%	1.499.500.000.000		99,95%	99,95%	999.500.000.000	
- Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	100%	100%	1.000.000.000.000		100%	100%	1.000.000.000.000	
- Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát (iii)	99,86%	99,86%	349.500.000.000		99,72%	99,72%	179.500.000.000	
- Công ty CP Nội Thất Hòa Phát	99,60%	99,60%	398.400.000.000		99,60%	99,60%	398.400.000.000	
- Công ty TNHH Điện Lạnh Hòa Phát	99,67%	99,67%	149.500.000.000		99,67%	99,67%	149.500.000.000	
- Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	99,67%	99,67%	598.000.000.000		99,67%	99,67%	598.000.000.000	
- Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát	99,99%	99,99%	2.879.850.000.000		99,99%	99,99%	2.879.850.000.000	
			<u>30.215.704.800.000</u>				<u>26.045.704.800.000</u>	
▪ <b>Đơn vị khác</b>								
- Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội	7%	7%	700.000.000		7%	7%	700.000.000	
			<u>30.216.404.800.000 (*)</u>				<u>26.046.404.800.000 (*)</u>	

Các công ty con và đơn vị khác được thành lập tại Việt Nam.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Trong năm, Công ty đã góp thêm 3.500.000 triệu VND bằng tiền vào Công ty CP Thép Hòa Phát Dung Quất.
- (ii) Trong năm, Công ty đã góp thêm 500.000 triệu VND bằng tiền vào Công ty TNHH Ống Thép Hòa Phát.
- (iii) Trong năm, Công ty đã góp thêm 170.000 triệu VND bằng tiền vào Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát.
- (\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn vào công ty con và đơn vị khác để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

## **10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn và bên liên quan:

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Công ty con</b>		
Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương	16.498.346.548	9.228.105
Công ty TNHH Tôn Hòa Phát	13.362.045.648	10.396.729
Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát	10.281.986.550	-
Các bên liên quan khác	13.731.799.663	1.356.161.318
<b>Bên khác</b>		
Các khách hàng khác	4.378.656	57.673.488
	<b>53.878.557.065</b>	<b>1.433.459.640</b>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 – 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**11. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<b>30/6/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Công ty con</b>		
Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát	254.000.000.000	134.000.000.000
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước	156.000.000.000	156.000.000.000
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai	146.400.000.000	85.400.000.000
Công ty CP Nội thất Hòa Phát	98.000.000.000	-
Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên	89.600.000.000	93.000.000.000
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát Phú Thọ	2.500.000.000	-
Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phát Quảng Bình	-	45.500.000.000
Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát	-	6.000.000.000
	<b>746.500.000.000</b>	<b>519.900.000.000</b>

Đây là các khoản cho vay bằng VND, không được đảm bảo, rút gốc linh hoạt cấp cho các công ty con của Công ty. Trong năm, các khoản cho vay này hưởng lãi suất cố định là 3%/năm (2017: 1%/năm).

**12. Phải thu ngắn hạn khác**

	<b>30/6/2018</b> <b>VND</b>	<b>1/1/2018</b> <b>VND</b>
Tiền lãi dự thu	1.939.104.109	1.447.939.179
Phải thu lợi nhuận chuyển về từ công ty con	417.232.532.135	417.232.532.135
Phải thu khác	1.879.681.010	869.129.014
	<b>421.051.317.254</b>	<b>419.549.600.328</b>

Lợi nhuận phải thu từ các công ty con không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**13. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	-	4.461.631.355	41.803.790.030	22.943.068.756	69.208.490.141
Tăng trong kỳ	-	-	2.816.280.000	1.144.622.874	3.960.902.874
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	23.414.710.156	1.970.850.390	-	2.875.353.797	28.260.914.343
Số dư cuối kỳ	23.414.710.156	6.432.481.745	44.620.070.030	26.963.045.427	101.430.307.358
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	-	2.718.571.941	24.349.956.482	16.026.356.623	43.094.885.046
Khấu hao trong kỳ	825.789.277	446.133.602	2.595.448.304	1.378.671.792	5.246.042.975
Số dư cuối kỳ	825.789.277	3.164.705.543	26.945.404.786	17.405.028.415	48.340.928.021
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	-	1.743.059.414	17.453.833.548	6.916.712.133	26.113.605.095
Số dư cuối kỳ	22.588.920.879	3.267.776.202	17.674.665.244	9.558.017.012	53.089.379.337

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản với nguyên giá 24.877 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 23.349 triệu VND).



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thứ ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**14. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VND</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>	<b>Tổng cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	28.755.408.500	3.213.898.140	31.969.306.640
Tăng trong kỳ	-	12.539.565.200	12.539.565.200
<b>Số dư cuối kỳ</b>	28.755.408.500	15.753.463.340	44.508.871.840
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	-	2.599.539.731	2.599.539.731
Khấu hao trong kỳ	-	775.699.384	775.699.384
<b>Số dư cuối kỳ</b>	-	3.375.239.115	3.375.239.115
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	28.755.408.500	614.358.409	29.369.766.909
Số dư cuối kỳ	28.755.408.500	12.378.224.225	41.133.632.725

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 có các tài sản với nguyên giá 2.355 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2018: 2.355 triệu VND).

**15. Bất động sản đầu tư cho thuê**

	<b>Nhà cửa VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	295.423.374.882
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	79.754.857.539
Khấu hao trong kỳ	7.245.728.766
<b>Số dư cuối kỳ</b>	87.000.586.305
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	215.668.517.343
Số dư cuối kỳ	208.422.788.577

Bất động sản đầu tư của Công ty là tòa nhà văn phòng tại số 39 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội và tòa nhà văn phòng tại 643-645 Điện Biên Phủ, Phường 25, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày báo cáo, Công ty không xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư do không có thị trường hoạt động để xác định chính xác giá trị hợp lý một cách đáng tin cậy cho loại bất động sản đầu tư này.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	20.901.654.922	-
Tăng trong kỳ	10.125.764.326	4.421.802.000
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(28.260.914.343)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.517.910.618)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	248.594.287	4.421.802.000
	<hr/>	<hr/>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nhà ở cho cán bộ công nhân viên	-	17.077.200.000
Chi phí khác	248.594.287	3.824.454.922
	<hr/>	<hr/>
	248.594.287	20.901.654.922
	<hr/>	<hr/>

**17. Chi phí trả trước**

**17.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí quảng cáo	12.777.022.035	17.805.616.521
Chi phí thuê văn phòng	10.113.409.091	10.147.434.018
Chi phí khác	421.457.255	1.731.757.822
	<hr/>	<hr/>
	23.311.888.381	29.684.808.361
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**17.2 Chi phí trả trước dài hạn**

	Chi phí sửa chữa văn phòng VND	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí quảng cáo VND	Chi phí khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu kỳ	-	4.462.366.036	-	2.018.757.125	6.481.123.161
Tăng trong kỳ	67.668.000	275.322.664	6.740.645.455	91.309.091	7.174.945.210
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.261.427.490	256.483.128	-	-	2.517.910.618
Phân bổ trong kỳ	(380.175.500)	(728.930.287)	(1.123.470.908)	(117.907.637)	(2.350.484.332)
Số dư cuối kỳ	1.948.919.990	4.265.241.541	5.617.174.547	1.992.158.579	13.823.494.657

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**18. Phải trả người bán ngắn hạn**

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn và bên liên quan:

	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Bên liên quan</b>		
<b>Công ty con</b>		
Công ty CP Nội thất Hòa Phát	84.577.462	7.557.858.789
Công ty TNHH MTV Gia cầm Hòa Phát	600.000	-
<b>Bên khác</b>		
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Nam Sơn	-	11.855.802.457
Công ty TNHH Dentsu Việt Nam	-	4.872.070.000
Các nhà cung cấp khác	3.545.467.144	5.562.459.964
	<hr/>	<hr/>
	3.630.644.606	29.848.191.210
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 30 - 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.



**19. Thuế và các khoản phải thu và phải nộp Nhà nước**

	1/1/2018		Biến động trong kỳ		30/6/2018	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp/bù trừ với thuế phải thu trong kỳ VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
Thuế giá trị gia tăng	11.369.174	-	7.420.450.973	(7.420.450.973)	11.369.174	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	492.083.490	735.351.240	(1.146.291.981)	-	81.142.749
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.092.419.353	-	5.586.049.802	-	9.506.369.551	-
Tiền thuế đất	-	-	272.413.052	(272.413.052)	-	-
Thuế khác	-	102.940.000	6.000.000	(108.940.000)	-	-
	15.103.788.527	595.023.490	14.020.265.067	(8.948.096.006)	9.517.738.725	81.142.749

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết**  
**thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Số dư đầu kỳ	490.541.681.776	194.540.281.256
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 21)	180.700.000.000	398.481.582.484
Sử dụng trong kỳ	(48.445.721.769)	(35.212.722.894)
Số dư cuối kỳ	622.795.960.007	557.809.140.846



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**21. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017</b>	8.428.749.560.000	674.149.437.068	(1.093.000.000)	502.000.000.000	4.368.745.233.712	13.972.551.230.780
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	7.253.565.090.582	7.253.565.090.582
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	4.213.804.610.000	-	-	-	(4.213.804.610.000)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(398.481.582.484)	(398.481.582.484)
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	(282.020.000)	-	282.020.000	-
Thù lao thành viên Ban Kiểm soát	-	-	-	-	(28.000.000)	(28.000.000)
Biến động khác	-	-	-	-	18.357.879.105	18.357.879.105
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2017</b>	<b>12.642.554.170.000</b>	<b>674.149.437.068</b>	<b>(1.375.020.000)</b>	<b>502.000.000.000</b>	<b>7.028.636.030.915</b>	<b>20.845.964.617.983</b>
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>	<b>15.170.790.000.000</b>	<b>3.202.198.967.068</b>	<b>(1.693.270.000)</b>	<b>502.000.000.000</b>	<b>8.456.983.382.636</b>	<b>27.330.279.079.704</b>
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	4.576.297.486.124	4.576.297.486.124
Phân bổ vào các quỹ	-	-	-	400.000.000.000	(400.000.000.000)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(180.700.000.000)	(180.700.000.000)
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	-	-	(370.000.000)	-	370.000.000	-
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	-	9.361.449.202	2.063.270.000	-	-	11.424.719.202
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>	<b>15.170.790.000.000</b>	<b>3.211.560.416.270</b>	<b>-</b>	<b>902.000.000.000</b>	<b>12.452.950.868.760</b>	<b>31.737.301.285.030</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2018		1/1/2018	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	1.517.079.000	15.170.790.000.000	1.517.079.000	15.170.790.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	1.517.079.000	15.170.790.000.000	1.517.079.000	15.170.790.000.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	-	-	(169.327)	(1.693.270.000)
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	1.517.079.000	15.170.790.000.000	1.516.909.673	15.169.096.730.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Biến động của số cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND	Số cổ phiếu	Mệnh giá VND
Số dư đầu kỳ	1.516.909.673	15.169.096.730.000	842.765.656	8.427.656.560.000
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	-	421.380.461	4.213.804.610.000
Thu hồi cổ phiếu thưởng cho nhân viên làm cổ phiếu quỹ	(37.000)	(370.000.000)	(28.202)	(282.020.000)
Phát hành lại cổ phiếu quỹ	206.327	2.063.270.000	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.517.079.000</b>	<b>15.170.790.000.000</b>	<b>1.264.117.915</b>	<b>12.641.179.150.000</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Cổ tức**

Ngày 22 tháng 3 năm 2018, Đại hội đồng Cổ đông của Công ty đã thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2017 cho các cổ đông theo tỷ lệ 40% bằng cổ phiếu (cổ đông sở hữu 10 cổ phiếu thường được nhận 4 cổ phiếu phát hành thêm để trả cổ tức). Ngày 13 tháng 6 năm 2018, Công ty đã chốt danh sách cổ đông để phát hành cổ phiếu để trả cổ tức. Tuy nhiên, số cổ phiếu phát hành để chi trả cổ tức này chỉ được Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận niêm yết vào ngày 4 tháng 7 năm 2018. Do vậy, giao dịch chi trả cổ tức này chưa được Công ty phản ánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2018.

Ngày 4 tháng 7 năm 2018, Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh đã chấp thuận cho Công ty được thay đổi niêm yết liên quan đến việc phát hành cổ tức để trả cổ phiếu. Theo đó, số lượng chứng khoán thay đổi niêm yết là 606.828.166 cổ phiếu, tương đương với 6.068.281.660.000 VND.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, Công ty đã nhận được Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 30, trong đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 15.170.790.000.000 VND lên 21.239.071.660.000 VND do kết quả của việc phát hành cổ tức để trả cổ phiếu.

**24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

**24.1 Ngoại tệ các loại**

	30/6/2018		1/1/2018	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	1.154	26.150.772	1.154	26.150.772

**24.2 Cam kết hợp đồng thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2018 VND	1/1/2018 VND
Trong vòng một năm	22.861.626.010	22.861.626.010
Trong vòng hai đến năm năm	91.446.504.041	91.446.504.041
Sau năm năm	107.471.244.029	121.694.102.489
	221.779.374.080	236.002.232.540

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**25. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị cho thuê và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Tổng doanh thu		
▪ Cho thuê	12.507.570.000	13.483.260.000
▪ Cung cấp dịch vụ	54.737.265.352	-
	<hr/>	<hr/>
	67.244.835.352	13.483.260.000

**26. Giá vốn cung cấp dịch vụ**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Cho thuê	7.245.728.766	6.735.693.858
▪ Cung cấp dịch vụ	44.951.501.549	-
	<hr/>	<hr/>
	52.197.230.315	6.735.693.858

**27. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Lãi tiền gửi và cho vay	22.475.148.673	9.489.808.754
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con	4.574.968.877.158	7.409.182.293.490
	<hr/>	<hr/>
	4.597.444.025.831	7.418.672.102.244



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Chi phí nhân viên	8.620.190.529	6.545.130.085
Phân bổ chi phí sửa chữa văn phòng, công cụ và dụng cụ và các chi phí trả trước dài hạn khác	1.703.762.904	1.367.591.574
Chi phí khấu hao	4.899.548.373	4.350.477.044
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.485.637.615	10.858.649.232
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.956.479.432	2.351.614.838
	31.665.618.853	25.473.462.773

**29. Chi phí kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
Chi phí nhân viên	8.620.190.529	6.545.130.085
Chi phí khấu hao	13.267.471.125	11.311.050.422
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.662.152.094	11.798.645.828
Chi phí khác	2.956.479.432	2.779.209.649

**30. Thuế thu nhập**

**30.1 Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018 VND	30/6/2017 VND
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	1.787.331.772	-
Thuế TNDN trích thiếu kỳ trước	3.798.718.030	-
	5.586.049.802	-

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**30.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận kế toán trước thuế	4.581.883.535.926	7.253.565.090.582
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
Chi phí không được khấu trừ	2.022.000.092	3.319.815.288
Lợi nhuận nhận được từ các công ty con sau thuế TNDN	(4.574.968.877.158)	(7.409.182.293.490)
<b>Thu nhập chịu thuế/(lỗ tính thuế) kỳ hiện hành</b>	<b>8.936.658.860</b>	<b>(152.297.387.620)</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.787.331.772</b>	<b>-</b>
Dự phòng thiếu của những kỳ trước	3.798.718.030	-
<b>Tổng cộng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>5.586.049.802</b>	<b>-</b>

**30.3 Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp Ngân sách Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**31. Các công cụ tài chính**

**31.1 Quản lý rủi ro tài chính**

**(a) Tổng quan**

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Khung quản lý rủi ro**

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào và soát xét tính thích hợp của chính sách quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

**31.2 Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng và phát sinh chủ yếu từ các khoản tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản cho vay các công ty con.

**Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng**

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2018 Triệu VND</b>	<b>1/1/2018 Triệu VND</b>
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	(a)	571.651	515.225
Phải thu khách hàng và phải thu khác ngắn hạn và dài hạn	(b)	479.029	425.082
Phải thu về cho vay ngắn hạn	(c)	746.500	519.900
		<b>1.797.180</b>	<b>1.460.207</b>

**(a) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền**

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**(b) Phải thu khách hàng và phải thu khác**

Rủi ro tín dụng của Công ty liên quan đến khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng đối tượng phải thu.

Không có khoản phải thu nào đã quá hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2018 (1/1/2018: Không).

Dựa trên tỷ lệ thực tế không thu được nợ từ các năm trước. Ban Giám đốc tin rằng không cần thiết phải lập dự phòng phải thu khó đòi cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác tại ngày báo cáo.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Phải thu về cho vay ngắn hạn của Công ty là các khoản cho vay các công ty con. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản cho vay này và không cho rằng các công ty này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

**31.3 Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Tại ngày báo cáo, các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ Triệu VND</b>	<b>Dòng tiền theo hợp đồng Triệu VND</b>	<b>Trong 1 năm Triệu VND</b>
<b>Ngày 30 tháng 6 năm 2018</b>			
Phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác	14.327	14.327	14.327
<b>Ngày 1 tháng 1 năm 2018</b>			
Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	31.931	31.931	31.931

**31.4 Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

**(a) Rủi ro tỷ giá hối đoái**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty chỉ có tài sản tiền tệ là 1.154 USD (1/1/2018: 1.154 USD) tiền mặt bằng ngoại tệ. Do đó, sự thay đổi của tỷ giá hối đoái không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Rủi ro lãi suất**

Tại ngày báo cáo, các công cụ tài chính hưởng lãi suất của Công ty như sau:

	<b>Giá trị ghi sổ</b>	
	<b>30/6/2018</b>	<b>1/1/2018</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
<b>Các công cụ tài chính chịu hưởng lãi suất cố định</b>		
Tài sản tài chính	1.301.450	1.022.510

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2018, Công ty không có các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi nên biến động lãi suất không ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

**31.5 Giá trị hợp lý**

**(a) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ**

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại bảng cân đối kế toán riêng, như sau:

	<b>30/6/2018</b>		<b>1/1/2018</b>	
	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Giá trị ghi sổ</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>
	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>	<b>Triệu VND</b>
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:				
- Tiền và các khoản tương đương tiền	572.046	572.046	515.264	515.264
- Phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác	474.930	474.930	420.983	420.983
- Phải thu về cho vay ngắn hạn	746.500	746.500	519.900	519.900
- Phải thu dài hạn khác	4.099	(*)	4.099	(*)
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:				
- Các khoản đầu tư vào công cụ vốn chủ sở hữu	30.216.405	(*)	26.046.405	(*)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:				
- Phải trả người bán và phải trả ngắn hạn khác	(14.327)	(14.327)	(31.931)	(31.931)
	<b>31.999.653</b>	<b>(*)</b>	<b>27.474.720</b>	<b>(*)</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Cơ sở xác định giá trị hợp lý**

Tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác, phải thu về cho vay ngắn hạn và nợ phải trả tài chính ngắn hạn phi phái sinh

Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu ngắn hạn khác, phải thu về cho vay ngắn hạn và nợ phải trả tài chính ngắn hạn phi phái sinh xấp xỉ giá trị ghi sổ của các công cụ này do tính chất ngắn hạn của chúng. Giá trị hợp lý của các công cụ này được xác định chỉ nhằm mục đích thuyết minh thông tin.

- (\*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2018 VND</b>	<b>30/6/2017 VND</b>
<b>Công ty con</b>		
<b>Công ty TNHH Thiết bị Phụ tùng Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.176.000.000	821.940.000
Góp vốn	170.000.000.000	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	78.607.952.213	35.676.171.158
<b>Công ty CP Nội thất Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	3.143.310.000	1.869.000.000
Các khoản cho vay	118.500.000.000	7.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	20.500.000.000	25.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	234.130.721.310	345.215.386.374
<b>Công ty TNHH Ống thép Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	11.386.724.484	1.684.200.000
Các khoản cho vay	-	466.900.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	466.900.000.000
Góp vốn	500.000.000.000	200.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	984.732.406.574	692.656.090.071
<b>Công ty TNHH Điện lạnh Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	2.047.587.225	1.156.260.000
Các khoản cho vay	10.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	16.000.000.000	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	45.239.903.421	103.886.773.837



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty CP Đầu tư Khoáng sản An Thông</b>		
Cung cấp dịch vụ	1.879.200.000	-
Các khoản cho vay	18.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	18.000.000.000	148.000.000.000
<b>Công ty CP Thép Hòa Phát Hải Dương</b>		
Cung cấp dịch vụ	18.648.995.151	1.596.000.000
Các khoản cho vay	-	20.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	20.000.000.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	2.900.000.000.000	4.611.871.560.801
Góp vốn	-	1.000.000.000.000
Chuyển nhượng công ty con cấp 1	-	998.900.000.000
<b>Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên</b>		
Cung cấp dịch vụ	8.206.707.179	1.635.060.000
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	332.257.893.640	306.047.608.809
<b>Công ty CP Golden Gain Việt Nam</b>		
Các khoản cho vay	16.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	16.000.000.000	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	250.015.339.363
<b>Công ty CP Năng lượng Hoà Phát</b>		
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	751.956.354.553
Thoái vốn	-	1.238.350.000.000
<b>Công ty CP Xây dựng và Phát triển Đô thị Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	2.452.800.000	1.276.800.000
Các khoản cho vay	254.000.000.000	-
Nhận thanh toán gốc cho vay	134.000.000.000	-
Lợi nhuận nhận được từ công ty con	-	311.857.008.524
<b>Công ty TNHH Tôn Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	10.099.141.313	453.600.000
Các khoản cho vay	-	166.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	166.000.000.000
<b>Công ty CP Phát triển Nông nghiệp Hòa Phát</b>		
Góp vốn	-	367.350.000.000
<b>Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát</b>		
Cung cấp dịch vụ	798.000.000	495.600.000
<b>Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Hưng Yên</b>		
Cung cấp dịch vụ	697.200.000	770.700.000
Các khoản cho vay	89.600.000.000	42.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	93.000.000.000	81.500.000.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC*  
*ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Giá trị giao dịch</b>	
	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>30/6/2018</b>	<b>30/6/2017</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty TNHH Thức ăn Chăn nuôi Hòa Phát Đồng Nai</b>		
Các khoản cho vay	153.400.000.000	100.400.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	92.400.000.000	50.000.000.000
<b>Công ty TNHH Chăn nuôi Hoà Phát Quảng Bình</b>		
Nhận thanh toán gốc cho vay	45.500.000.000	-
<b>Công ty TNHH Chăn nuôi Hòa Phước</b>		
Các khoản cho vay	156.000.000.000	98.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	156.000.000.000	100.000.000.000
<b>Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Đồng Phát</b>		
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	52.000.000.000
<b>Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Việt Hùng</b>		
Nhận thanh toán gốc cho vay	-	78.500.000.000
<b>Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Yên</b>		
Các khoản cho vay	145.000.000.000	8.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	145.000.000.000	8.000.000.000
<b>Công ty TNHH MTV Chăn nuôi Hòa Phát Hòa Bình</b>		
Các khoản cho vay	55.000.000.000	2.000.000.000
Nhận thanh toán gốc cho vay	55.000.000.000	2.000.000.000
<b>Công ty TNHH Gia cầm Hòa Phát</b>		
Các khoản cho vay	2.500.000.000	-
<b>Công ty CP Thép Hoà Phát Dung Quất</b>		
Cung cấp dịch vụ	5.432.400.000	798.000.000
Góp vốn	3.500.000.000.000	8.619.500.000.000
<b>Thành viên Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị</b>		
Lương và thưởng	863.680.000	991.357.981
Thù lao	2.724.000.000	2.624.000.000



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 30 tháng 6 năm 2018 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**33. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2018	30/6/2017
	VND	VND
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	-	4.213.804.610.000

**34. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2018 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017. Số liệu so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

28 -08- 2018

Người lập:

Nguyễn Thị Thu Trang  
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Phạm Thị Kim Oanh  
Kế toán trưởng



Trần Tuấn Dương  
Tổng Giám đốc